

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/5/2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Triệu Khánh Long

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/3/2020; Thông báo về việc tiếp tục xét xử vụ án số 02/TB-TA, ngày 20/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lư Hồng H, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: phường B, quận R, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Chị Ong Thị Thúy V, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2019 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lư Hồng H trình bày: Vào năm 2009 anh Lư Hồng H và chị Ong Thị Thúy V có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận R, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/9/2012. Từ lúc cưới nhau anh H sống bên nhà vợ tại Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, tình cảm ngày càng phai nhạt và hai bên không thể khắc phục được nên anh H bỏ chị V về nhà cha mẹ ruột anh H sống tại phường B, quận R, thành phố Cần Thơ cho đến nay.

Thời gian chung sống với nhau anh H và chị V có 02 người con chung tên Lư Hoàng P, sinh ngày 18/8/2012 (Nam); Lư Hoàng N, sinh ngày 01/9/2014 (Nam) hiện cháu P đang sống cùng chị V, cháu N đang sống cùng anh H. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, nợ chung không có.

Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ không thể hàn gắn được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị V; Về con chung anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lư Hoàng N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lư Hoàng P tùy nguyện vọng của cháu P muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu P muốn sống với mẹ thì anh H không phản đối, Nếu sống với cha, anh H đồng ý nuôi dưỡng cháu P đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị V, nhưng chị V không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh H, đồng thời chị V cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị V, giao con chung là cháu Lư Hoàng N cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Lư Hoàng P cho chị V nuôi dưỡng, cũng theo nguyện vọng của cháu P nếu cha mẹ không sống chung với nhau thì cháu P có nguyện vọng sống với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi cháu N, chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu P nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho chị V, nhưng chị V vắng mặt không có lý do, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh H và chị V theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lư Hồng H, nhận thấy anh H và chị V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2012 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận R, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2012. Quan hệ hôn nhân của anh H và chị V không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công

nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Anh H nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với chị V nên có nguyện vọng ly hôn. Anh H và chị V đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị V.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau anh H và chị V có 02 người con chung tên Lư Hoàng P, sinh ngày 18/8/2012 (Nam); Lư Hoàng N, sinh ngày 01/9/2014 (Nam) hiện cháu N đang sống với anh H, cháu P đang sống với chị V. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lư Hoàng N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lư Hoàng P tùy theo nguyện vọng của cháu P muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và ý kiến của cháu P có nguyện vọng sống cùng chị V khi cha mẹ ly hôn với nhau. Để đảm bảo cuộc sống của cháu N, cháu P không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh H đối với cháu Lư Hoàng N, ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi cháu N; Giao cháu Lư Hoàng P cho chị V nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi cháu P do chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh H khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh H khẳng định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lư Hồng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lư Hồng H được ly hôn với chị Ong Thị Thúy V.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lư Hoàng N, sinh ngày 01/9/2014 (Nam) cho anh Lư Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Giao cháu Lư Hoàng P, sinh ngày 18/8/2012 (Nam) cho chị Ong Thị Thúy V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi cháu N.

Anh Lư Hồng H và chị Ong Thị Thúy V được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh Lư Hồng H và chị Ong Thị Thúy V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lư Hoàng N của anh Lư Hồng H; cháu Lư Hoàng P của chị Ong Thị Thúy V thì anh H, chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Anh H khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh H khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh Lư Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí anh H đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0000564, ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Chị Ong Thị Thúy V không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS TX Vĩnh Châu;
- UBND Phường B, Q. R;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng